

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024
của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đối với báo cáo quyết toán năm 2024 của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế toán-Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (theo Biểu số liệu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế toán-Tài chính và các Phòng, Ban trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng chính (để p/h)
- Lưu: VT, HC.

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Mai Thanh

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông báo quyết toán ngân sách năm 2024 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm	Số kinh phí quyết toán trong năm	Dự toán hủy	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết
1	2	3	4	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
1	Lệ phí					
2	Phí					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
1	Lệ phí					
2	Phí					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	538.4	28,379.0	27,347.4	321.4	1,198.8
I	Nguồn ngân sách trong nước	538.4	27,415.8	26,434.1	321.4	1,198.8
1	Chi quản lý hành chính					
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	538.4	8,469.6	7,574.3	235.0	1,198.8
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	538.4	7,914.5	7,022.8	231.4	1,198.8
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	538.4	7,914.5	7,022.8	231.4	1,198.8
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		555.1	551.5	3.6	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0.0	18,946.3	18,859.9	86.4	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		18,617.3	18,617.3		
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		329.0	242.6	86.4	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					



(Handwritten signature)

STT	Nội dung	Kinh phí năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm	Số kinh phí quyết toán trong năm	Dự toán hủy	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
II	Nguồn vốn viện trợ		963.2	913.2		
1	Chi quản lý hành chính					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		963.2	913.2		
	Dự án hỗ trợ trao đổi nghiên cứu, đổi mới giữa Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội với các trường đại học, viện nghiên cứu tại Pháp		963.2	913.2		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					
1	Chi quản lý hành chính					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					



Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025

Hiệu trưởng

Đinh Thị Mai Thanh

Đơn vị: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội

Chương: 046

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-ĐHKHCN ngày 14 tháng 10 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	27,347.4	27,347.4	
I	Nguồn ngân sách trong nước	26,434.1	26,434.1	
1	Chi quản lý hành chính			
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	7,574.3	7,574.3	
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	7,022.8	7,022.8	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	551.5	551.5	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18,859.9	18,859.9	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18,617.3	18,617.3	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	242.6	242.6	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			



Handwritten signature/initials.

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	Nguồn vốn viện trợ	913.2	913.2	
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	913.2	913.2	
	Dự án hỗ trợ trao đổi nghiên cứu, đổi mới giữa Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội với các trường đại học, viện nghiên cứu tại Pháp	913.2	913.2	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025

Hiệu trưởng



Đinh Thị Mai Thanh